

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/2009/TT-BNN

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2009

THÔNG TƯ

hướng dẫn chuyển đổi rừng phòng hộ, rừng đặc dụng được quy hoạch sang rừng sản xuất và ngược lại từ rừng sản xuất được quy hoạch thành rừng phòng hộ, đặc dụng sau rà soát quy hoạch lại 3 loại rừng theo Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng;

Căn cứ Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng;

Căn cứ Văn bản số 80/TTg-KTN ngày 15/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc báo cáo kết quả rà soát quy hoạch 3 loại rừng;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chuyển đổi rừng phòng

hộ, rừng đặc dụng được quy hoạch sang rừng sản xuất và ngược lại từ rừng sản xuất được quy hoạch thành rừng phòng hộ, đặc dụng sau rà soát quy hoạch lại 3 loại rừng theo Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là diện tích rừng chuyển đổi) như sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc chuyển đổi diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng được quy hoạch chuyển sang rừng sản xuất và ngược lại chuyển đổi từ rừng sản xuất sang rừng phòng hộ, đặc dụng sau

rà soát quy hoạch lại 3 loại rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; trình tự và thẩm quyền chuyển đổi; quyền lợi, nghĩa vụ của chủ rừng trước và sau chuyển đổi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các chủ rừng có rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, hoặc rừng sản xuất chuyển đổi, bao gồm cả diện tích rừng mới trồng và diện tích rừng đang khoanh nuôi tái sinh, được đầu tư từ các nguồn vốn thuộc ngân sách Nhà nước hoặc có tính chất như ngân sách Nhà nước;

b) Các chủ rừng có rừng chuyển đổi do tự bỏ vốn ra đầu tư bảo vệ, trồng và chăm sóc thành rừng.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý trong quá trình chuyển đổi rừng

1. Tất cả diện tích rừng chuyển đổi nêu trên phải có chủ rừng quản lý cụ thể. Rừng chuyển đổi mục đích sử dụng (trong 3 loại rừng) có thể có hoặc không thay đổi chủ rừng.

Các ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ có rừng đặc dụng, rừng phòng hộ chuyển đổi, nếu không có yêu cầu giao lại cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác thì tiếp tục quản lý diện tích rừng đó theo quy chế quản lý rừng tương ứng.

Các ban quản lý dự án 661 đang quản lý diện tích rừng chuyển đổi phải giao lại

rừng cho các tổ chức quản lý rừng, các hộ gia đình, cá nhân.. trên cơ sở đề án giao rừng cụ thể của UBND cấp tỉnh và phương án giao rừng cụ thể của UBND cấp huyện và xã; các đề án, phương án giao rừng phải được công khai, ưu tiên cho các cộng đồng, các hộ gia đình đang sinh sống tại địa phương, các hộ gia đình đã được giao hoặc có các hợp đồng nhận khoán (trồng và bảo vệ rừng) trên diện tích rừng chuyển đổi.

2. Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Nhà nước và chủ rừng, giữa Nhà nước và người dân đã nhận khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi rừng, trồng mới rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trước đó; giữa Nhà nước và các đối tượng khác bỏ vốn đầu tư trồng, chăm sóc rừng sản xuất mà nay chuyển đổi.

3. Thủ tục phải đơn giản nhưng chặt chẽ, phù hợp với thực tế của từng địa phương, đảm bảo việc bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng theo Quy chế quản lý rừng ban hành theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg).

4. Vốn và các nguồn vốn đầu tư cho rừng chuyển đổi phải được kiểm tra chặt chẽ, bàn giao và xử lý sau khi chuyển đổi theo quy định.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Đối tượng rừng chuyển đổi

1. Rừng phòng hộ, đặc dụng chuyển sang rừng sản xuất, trong đó:

- a) Rừng tự nhiên được giao khoán bảo vệ;
- b) Rừng tự nhiên giao khoán khoán nuôi tái sinh tự nhiên;
- c) Rừng tự nhiên giao khoán khoán nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung;
- d) Rừng trồng chưa hết thời gian chăm sóc;
- e) Rừng trồng đã hết thời gian chăm sóc.

2. Rừng sản xuất chuyển sang rừng phòng hộ, đặc dụng, trong đó:

- a) Rừng tự nhiên đã được đầu tư nuôi dưỡng;
- b) Rừng trồng đang thời kỳ chăm sóc;
- c) Rừng trồng đã qua thời kỳ chăm sóc, trong đó rừng sản xuất đã đến thời kỳ khai thác.

Điều 4. Đối tượng giao và nhận rừng chuyển đổi

1. Đối tượng giao rừng chuyển đổi

a) Ban quản lý rừng đặc dụng có rừng đặc dụng chuyển đổi (sang rừng phòng

hộ hay rừng sản xuất) và phải giao lại rừng cho các ban quản lý rừng phòng hộ hay các tổ chức, cá nhân khác;

b) Ban quản lý rừng phòng hộ có rừng phòng hộ chuyển đổi (sang rừng đặc dụng hay rừng sản xuất) và phải giao lại rừng cho các ban quản lý rừng đặc dụng hay các tổ chức, cá nhân khác;

c) Các tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn có rừng chuyển đổi (cả 3 loại rừng) nay phải giao lại cho các tổ chức, cá nhân khác;

d) Các ban quản lý rừng đặc dụng, các ban quản lý rừng phòng hộ, các lâm trường, công ty lâm nghiệp nhà nước có diện tích rừng chuyển đổi là diện tích rừng và đất lâm nghiệp đang thực hiện dự án 661 thông qua các ban quản lý dự án 661, nay phải giao lại cho chủ rừng mới, phải có trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của chủ đầu tư (ban quản lý dự án 661) theo các quy định hiện hành và hướng dẫn tại Thông tư này;

đ) Các ban quản lý dự án 661 thực hiện dự án với những đối tượng đất và rừng của các hộ gia đình, cộng đồng dân cư hay rừng do UBND các cấp quản lý trực tiếp, nay chuyển đổi mục đích sử dụng, phải tham mưu cho UBND các cấp (cấp quản lý trực tiếp) để thực hiện chức năng của Nhà nước về các chính sách đối với các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân

đang nhận đầu tư của nhà nước hay nhận khoán làm rừng theo dự án 661 bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước (thông qua dự án 661);

e) Đối với các đối tượng đã và đang thực hiện Chương trình 327 hoặc các dự án viện trợ khác để trồng mới, trồng bổ sung, khoanh nuôi và bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng, nay được chuyển đổi và có quyết định giao cho các đối tượng khác quản lý, sử dụng thì thực hiện theo các quy định của Chương trình 327 hay các dự án viện trợ đó và các quy định hiện hành và hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Đối tượng nhận rừng chuyển đổi

a) Các ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;

b) Các hộ gia đình, cá nhân hiện đang sinh sống tại xã có rừng, có nhu cầu được nhận rừng để bảo vệ, kinh doanh phát triển rừng;

c) Các tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân;

d) Cộng đồng dân cư thôn.

3. Các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình và cá nhân có rừng phòng hộ, rừng đặc dụng chuyển đổi sang rừng sản xuất hoặc có rừng sản xuất chuyển đổi sang rừng phòng hộ, rừng đặc dụng mà không bàn giao sang chủ rừng khác.

Điều 5. Quyền lợi và nghĩa vụ của các bên giao và nhận rừng chuyển đổi từ

rừng phòng hộ, đặc dụng quy hoạch sang rừng sản xuất

1. Trường hợp không thay đổi chủ rừng

1.1. Quyền lợi:

a) Đối với những diện tích rừng chuyên đổi là rừng trồng theo dự án 661, chương trình 327 hay các dự án ODA khác:

- Các hộ gia đình, tổ chức ngoài quốc doanh đã nhận hỗ trợ của Nhà nước để trồng rừng phòng hộ, đặc dụng, nay chuyển đổi sang rừng sản xuất được hưởng toàn bộ sản phẩm khai thác trên diện tích đã đầu tư nếu là rừng đến tuổi khai thác; nếu rừng chưa đến thời kỳ khai thác: Được tiếp tục đầu tư chăm sóc, bảo vệ đến hết chu kỳ hiện tại và hưởng toàn bộ sản phẩm khai thác trên diện tích này;

- Các hộ gia đình chỉ nhận khoán công đoạn bảo vệ rừng với các tổ chức Nhà nước, nay tiếp tục nhận rừng để quản lý bảo vệ, khi khai thác hộ gia đình được hưởng bổ sung tiền bảo vệ rừng, trung bình là 200.000 đồng/ha/năm từ tiền bán gỗ khai thác của diện tích nhận khoán quản lý bảo vệ. Mức cụ thể do ban quản lý rừng hay các lâm trường đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cụ thể;

- Đối với diện tích rừng phòng hộ, chủ dự án và các hộ gia đình nhận khoán trước đây có đầu tư thêm nguồn vốn tự

có để trồng, chăm sóc, bảo vệ và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, khi khai thác diện tích rừng này, số tiền thu được xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau: chi phí hợp lệ cho việc bán đấu giá, khai thác gỗ, hỗ trợ bổ sung cho hộ gia đình có công bảo vệ rừng, phần còn lại được chia theo tỷ lệ vốn đầu tư giữa vốn ngân sách, vốn của chủ dự án và các hộ gia đình. Phần tỷ lệ thuộc vốn ngân sách sẽ được thu về quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp xã;

- Đối với rừng trồng hỗn giao cây phù trợ với cây bản địa hoặc hỗn giao các loài cây bản địa khác nhau chưa đến tuổi khai thác, khuyến khích chủ rừng tiếp tục đầu tư bảo vệ chăm sóc, trồng dặm để phát triển thành rừng sản xuất cung cấp gỗ lớn.

b) Đối với những diện tích rừng chuyển đổi là rừng tự nhiên, được sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và các hoạt động khác theo Quy chế quản lý rừng ban hành kèm theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg và các chính sách hiện hành khác.

1.2. Nghĩa vụ:

a) Đối với những diện tích rừng chuyển đổi là rừng trồng theo dự án 661:

- Các Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng có rừng chuyển đổi có trách nhiệm thực hiện các quy định về quyền hưởng lợi của các hộ gia đình, cá

nhân đã tham gia nhận khoán trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng theo quy định;

- Người khai thác nộp lại cho quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp xã 80 kg thóc/ha khi khai thác rừng;

- Trồng lại rừng sau khi khai thác 12 tháng, nếu không trồng lại thì Nhà nước sẽ thu hồi diện tích đã giao.

b) Đối với những diện tích rừng chuyển đổi là rừng tự nhiên, thực hiện bảo vệ và phát triển rừng theo Quy chế quản lý rừng ban hành kèm theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg.

2. Trường hợp giao rừng cho chủ mới

2.1. Bên giao rừng chuyển đổi

a) Quyền lợi:

- Chủ rừng là các Ban quản lý rừng của Nhà nước được giảm vốn Nhà nước đã đầu tư đối với diện tích rừng chuyển đổi đối với rừng phòng hộ, đặc dụng đã đầu tư theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Nghĩa vụ:

- Nếu đối tượng rừng chuyển đổi là rừng trồng phòng hộ, đặc dụng theo dự án 661 hay 327, mà các ban quản lý dự án 661 đã cho các hộ gia đình, cá nhân nhận khoán trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ mà nay được chuyển sang chủ rừng mới phải có trách nhiệm giải quyết các quyền lợi đối với các hộ gia đình cá nhân nhận khoán trước đó theo quy định;

- Tham gia giám sát, bàn giao diện tích và chất lượng rừng, nguồn vốn đã đầu tư cho rừng được chuyển đổi, báo cáo kết quả chuyển đổi rừng do đơn vị quản lý cho cấp có thẩm quyền;

- Hoàn thiện các thủ tục giảm vốn đã đầu tư cho diện tích rừng đã giao trình cấp có thẩm quyền;

- Rà soát và xây dựng lại dự án 661 nếu có chuyển đổi rừng trong phạm vi quản lý của dự án.

2.2. Bên nhận rừng chuyển đổi

a) Quyền lợi:

- Nếu đối tượng rừng chuyển đổi là rừng trồng phòng hộ, đặc dụng theo dự án 661 hay 327, mà hộ gia đình, cá nhân đã nhận khoán với các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng, Ban quản lý dự án 661 (hay các ban quản lý dự án khác) tất cả các công đoạn, từ trồng rừng, chăm sóc đến bảo vệ mà nay được chuyển sang nhận rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, được hưởng toàn bộ sản phẩm khai thác trên diện tích đã đầu tư nếu là rừng đến tuổi khai thác; nếu rừng chưa đến thời kỳ khai thác: Được tiếp tục đầu tư chăm sóc, bảo vệ đến hết chu kỳ hiện tại và hưởng toàn bộ sản phẩm khai thác trên diện tích này;

- Đối với những diện tích rừng chuyển đổi là rừng trồng hỗn giao cây phù trợ

với cây bản địa hoặc hỗn giao các loài cây bản địa khác nhau chưa đến tuổi khai thác, khuyến khích bên nhận rừng tiếp tục đầu tư bảo vệ chăm sóc, trồng dặm để phát triển thành rừng sản xuất cung cấp gỗ lớn;

- Đối với những diện tích rừng chuyển đổi là rừng tự nhiên, được sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và các hoạt động khác theo Quy chế quản lý rừng ban hành kèm theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg và các chính sách hiện hành khác.

b) Nghĩa vụ:

- Đối với những diện tích rừng chuyển đổi là rừng trồng, hoàn thiện thủ tục tăng vốn đối với diện tích rừng chuyển đổi đối với diện tích rừng tăng thêm do chuyển đổi đối với doanh nghiệp quốc doanh theo các quy định hiện hành của Nhà nước; nộp lại cho quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp xã 80 kg thóc/ha khi khai thác rừng; trồng lại rừng sau khi khai thác 12 tháng, nếu không trồng lại thì Nhà nước sẽ thu hồi diện tích đã giao;

- Đối với những diện tích rừng chuyển đổi là rừng tự nhiên, thực hiện bảo vệ và phát triển rừng theo Quy chế quản lý rừng ban hành kèm theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg.

Điều 6. Quyền lợi và nghĩa vụ của các bên giao và nhận rừng chuyển đổi từ rừng

sản xuất quy hoạch sang rừng phòng hộ, đặc dụng, hoặc từ rừng đặc dụng sang rừng phòng hộ hay ngược lại.

1. Trường hợp không thay đổi chủ rừng.

a) Quyền lợi:

- Đối với những diện tích rừng chuyên đổi là rừng sản xuất (do chủ rừng tự đầu tư, tự vay vốn đầu tư..) có cây trồng không phải cây trồng chính theo quy định đối với trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, được hưởng toàn bộ sản phẩm khai thác trên diện tích đã đầu tư nếu là rừng đến tuổi khai thác, được tiếp tục đầu tư chăm sóc, bảo vệ đến hết chu kỳ hiện tại và hưởng toàn bộ sản phẩm khai thác trên diện tích này nếu rừng chưa đến thời kỳ khai thác;

- Đối với những diện tích rừng chuyên đổi là rừng sản xuất có cây trồng chính phù hợp với quy định đối với trồng rừng phòng hộ, đặc dụng, được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo Quyết định số 100/2007/QĐ-TTg ngày 06/7/2007 và Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng và các chính sách hiện hành khác đối với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;

- Đối với diện tích rừng phòng hộ là rừng trồng nay chuyển sang rừng đặc dụng thì được thực hiện các biện pháp

lâm sinh cần thiết để phục hồi sinh thái và tận thu lâm sản, nếu có.

b) Nghĩa vụ:

- Thực hiện việc quản lý, bảo vệ, chăm sóc, nuôi dưỡng rừng hiện có và trồng lại rừng mới theo đúng tiêu chí rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và Quy chế quản lý rừng ban hành kèm theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg.

2. Trường hợp chuyển giao cho chủ rừng mới

2.1. Bên giao rừng chuyển đổi

a) Quyền lợi:

- Đối với những diện tích rừng chuyên đổi là rừng trồng sản xuất có cây trồng không phải cây trồng chính theo quy định đối với trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, được hưởng toàn bộ sản phẩm khai thác trên diện tích đã đầu tư nếu là rừng đến tuổi khai thác; nếu rừng chưa đến thời kỳ khai thác: Được tiếp tục đầu tư chăm sóc, bảo vệ đến hết chu kỳ hiện tại và hưởng toàn bộ sản phẩm khai thác trên diện tích này;

- Đối với những diện tích rừng chuyên đổi là rừng sản xuất có cây trồng chính là cây dài ngày, phù hợp với quy định đối với trồng rừng phòng hộ, đặc dụng, được đền bù phần vốn đã đầu tư trồng, chăm sóc, bảo vệ;

- Các chủ rừng cũ là các hộ gia đình, cá nhân, nếu có điều kiện, được ưu tiên

tiếp tục nhận khoán bảo vệ diện tích rừng đã trồng, rừng tự nhiên hiện có, nhận khoán trồng rừng mới (rừng phòng hộ, đặc dụng) trên diện tích rừng sản xuất chuyển đổi sau khi khai thác.

b) Nghĩa vụ:

- Tham gia giám sát, bàn giao diện tích và chất lượng rừng, nguồn vốn đã đầu tư cho rừng được chuyển đổi;

- Báo cáo kết quả chuyển đổi rừng do đơn vị quản lý và hoàn thiện các thủ tục giảm vốn đã đầu tư cho diện tích rừng đã giao cho cấp có thẩm quyền nếu là các ban quản lý rừng của Nhà nước, các doanh nghiệp Nhà nước, các doanh nghiệp quốc doanh, tập thể.

2.2. Bên nhận rừng chuyển đổi

a) Quyền lợi:

- Được sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và các hoạt động khác trong rừng phòng hộ, đặc dụng theo Quy chế quản lý rừng ban hành kèm theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg và các chính sách hiện hành khác;

- Được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo Quyết định số 100/2007/QĐ-TTg ngày 06/7/2007 và Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng.

b) Nghĩa vụ:

- Thực hiện việc quản lý, bảo vệ, chăm sóc, nuôi dưỡng rừng hiện có và trồng lại rừng mới theo đúng tiêu chí rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và Quy chế quản lý rừng ban hành kèm theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg;

- Tăng vốn đầu tư theo các quy định hiện hành của Nhà nước đối với diện tích rừng tăng thêm.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trình tự quyết định chuyển đổi rừng

1. Trên cơ sở kết quả rà soát quy hoạch 3 loại rừng đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức bàn giao kết quả rà soát và quy hoạch lại 3 loại rừng tới các xã, chủ dự án và chủ rừng.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên - Môi trường; Sở Tài Chính xây dựng phương án chuyển đổi rừng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Hiện trạng các khu rừng chuyển đổi, bao gồm rừng tự nhiên và rừng trồng đã được Nhà nước đầu tư cho công tác khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có kết hợp trồng bổ sung cây lâm nghiệp, trồng mới và chăm

sóc rừng trồng cho mục đích phòng hộ và đặc dụng sau rà soát quy hoạch lại 3 loại rừng không đảm bảo tiêu chí được chuyển thành rừng sản xuất và ngược lại từ rừng sản xuất chuyển thành rừng phòng hộ, đặc dụng;

b) Đối với diện tích rừng trồng, cần phân biệt mức độ đầu tư (đã hết thời gian chăm sóc hay đang trong thời kỳ chăm sóc), trồng thuần loài, hay rừng hỗn giao cây phù trợ với cây mục đích, cây bản địa. Sự phân biệt các loại rừng này là cần thiết để xác định các chính sách hưởng lợi phù hợp đối với từng loại rừng, đảm bảo diện tích rừng sau khi chuyển đổi được tiếp tục đầu tư, phát triển và sử dụng có hiệu quả;

c) Quy định hạn mức giao nhận rừng, mức đền bù phần vốn đã bỏ ra trồng, chăm sóc, bảo vệ đối với rừng sản xuất chuyển đổi sang rừng phòng hộ hay cho phép kinh doanh đến hết chu kỳ hiện tại.

3. Việc tăng giảm vốn các loại rừng chuyển đổi thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định chuyển đổi rừng

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng rừng

đồng thời với phê duyệt phương án giao rừng sau khi chuyển đổi đối với từng khu rừng chuyển đổi (hoặc diện tích rừng cần chuyển đổi của một ban quản lý rừng, một lâm trường quốc doanh, hoặc từng tiểu khu, khoảnh hay diện tích rừng của một xã, một huyện trên địa bàn).

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc giao rừng chuyển đổi bằng văn bản cho các tổ chức là doanh nghiệp lâm nghiệp, Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc giao rừng bằng văn bản cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các địa phương, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kịp thời điều chỉnh, bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Hứa Đức Nhị